

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÔNG CỐNG
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2017/HNGĐ - ST

Ngày: 28/7/2017

V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG - TỈNH THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tình

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Minh Trí

Bà Lê Thị Xuân

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Thảo - Thư ký tòa án nhân dân huyện Nông Cống.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống tham gia phiên tòa: Ông Lê Đức Thảo - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 47/2017/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2017 về việc “Tranh chấp Ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1982 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh T

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện N, tỉnh T

Nơi ở hiện nay: Số nhà X, khu phố B, phường C, thị xã T, tỉnh D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện chị H nộp ngày 31/3/2017 và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh T xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu. Tổ chức cưới có đăng ký kết hôn ngày 28/02/2001 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện

N, tỉnh T. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc, khoảng tháng 8 năm 2001 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân: Do gia đình chồng thường xuyên chửi bới súc phạm chị và gia đình bên ngoại. Chị đã thông tin cho chồng về để giải quyết mâu thuẫn. Khi về, anh một mực nghe lời bố mẹ, quay ra chửi bới chị làm cho mâu thuẫn trở nên trầm trọng hơn. Chị và anh T đã sống ly thân và chấm dứt quan hệ sinh lý từ tháng 4 năm 2001 đến nay không ai quan tâm đến ai. Hiện chị không có thai với anh T. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung Nguyễn Thị Lan A, sinh ngày 23/11/2001 đang ở với anh T cùng ông bà nội, cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường. Nguyên vọng của chị để anh T tiếp tục nuôi con, chị có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 500.000đ kể từ tháng 3/2017 đến khi con thành niên và có khả năng lao động.

Về tài sản, công nợ và quyền sử dụng đất chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 07/4/2017 Tòa án nhân dân huyện Nông Cống Quyết định ủy thác thu thập chứng cứ; tại Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương anh Nguyễn Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Thời điểm kết hôn anh thống nhất như chị H đã trình bày. Thời điểm và nguyên nhân mâu thuẫn, anh trình bày như sau: Sau khi cưới vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc, tháng 8 năm 2001 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân: Sau khi cưới được 3 tháng chị H mang thai, do điều kiện kinh tế khó khăn nên anh phải vào Nam làm ăn còn chị H ở nhà. Do sinh con thiếu tháng nên cháu phải nằm trong lồng kính thời gian dài. Thấy vậy, chị H đã bỏ đi từ thời điểm đó đến nay, không liên lạc gì về với gia đình. Anh cùng gia đình bên nội tập chung chăm sóc cháu đến nay đã 17 tuổi. Anh và chị H sống ly thân và chấm dứt quan hệ sinh lý từ tháng 8 năm 2001. Hiện chị H không có thai với anh. Nguyên vọng của anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn và anh có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Về con chung: Anh thống nhất như chị H đã trình bày và xin được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu chị H cấp dưỡng.

Về tài sản, công nợ và quyền sử dụng đất chung: Anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) và đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố

tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS). Anh T có đơn xin xét xử vắng mặt nên đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt anh theo khoản 1 Điều 228 BLTTDS.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của chị H được ly hôn anh T. Giao cháu Lan A cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Chị H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 500.000đ đến khi con thành niên và có khả năng lao động. Chị H phải nộp án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

1. Về tố tụng: Anh T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt anh theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của BLTTDS.

2. Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn T có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân là do mâu thuẫn giữa chị và gia đình chồng dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng. Về phía chị, khi sinh con thiếu tháng lẽ ra chị phải cùng gia đình trực tiếp chăm sóc con, nhưng chị đã không làm được điều đó, bỏ con cho chồng cùng ông bà nội chăm sóc, không quan tâm đến ý đến cháu. Về phía anh đi làm ăn xa khi biết tin chị ở nhà có mâu thuẫn với gia đình, lẽ ra khi về anh phải dung hòa được mối quan hệ nhưng anh lại làm cho mâu thuẫn càng thẳng hơn. Chị H và anh T sống ly thân và chấm dứt quan hệ sinh lý từ tháng 8/2001 đến nay, Hiện chị H không có thai với anh T. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh T mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung đã chấm dứt, mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hòa thuận hạnh phúc không đạt được. Nay chị H xin ly hôn, về phía anh T cũng xác định tình cảm không còn và đồng ý ly hôn nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

3. Về con chung: Chị H và anh T có 01 con chung Nguyễn Thị Lan A, sinh ngày 23/11/2001 đang ở với anh T, cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường. Ly hôn chị H đồng ý giao con cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, chị cấp dưỡng mỗi tháng 500.000đ kể từ tháng 03/2017 đến khi con thành niên và có khả năng lao động. Cháu Lan A cũng có nguyện vọng xin được ở với anh T. Về phía anh T xin nuôi con, không yêu cầu chị H cấp dưỡng. HĐXX xét thấy việc thỏa thuận nuôi con của chị H và anh T là phù hợp nên chấp nhận. Tuy anh T không yêu cầu cấp dưỡng nhưng chị H xin được cấp dưỡng mỗi tháng 500.000đ; Tại phiên tòa, chị H tự

nguyện nâng mức cấp dưỡng lên 1.000.000đ để bù đắp cho con, HĐXX chấp nhận nguyện vọng của chị H.

4. Về tài sản, công nợ và quyền sử dụng đất chung: Chị H, anh T không yêu cầu nên HĐXX không xét.

5. Về án phí: Chị H khởi kiện vụ án xin ly hôn nên chị phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm và phải cấp dưỡng nuôi con nên phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều: 56, 57, 81, 82, 83, 116, 117 và Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn yêu cầu của chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Lan A, sinh ngày 23/11/2001. Chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ kể từ ngày 01/3/2017 đến khi con thành niên và có khả năng lao động.

Chị H có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản, công nợ và quyền sử dụng đất chung: Hai bên đương sự không yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000đ án phí ly hôn và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp tại chi cục thi hành án dân sự huyện Nông Cống theo biên lai thu số AA/2015/0006354 ngày 04/4/2017. Chị H còn phải nộp tiếp 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo: Chị H được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Nông Cống;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS;
- UBND. xã T;
- Lưu: HS vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Văn Tình